

Thứ tư, ngày 8 tháng 11 năm 2023

Vietnam Daily Review

Lược cầu bùng nổ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/11/2023		●	
Tuần 30/10-03/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giao dịch quanh ngưỡng 1,080 cả sáng trước khi bật tăng mạnh trong phiên chiều và kết phiên tại mốc 1,113.43 điểm, tăng hơn 33 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Dịch vụ tài chính, theo sau là Hóa chất, Du lịch và giải trí,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể tiếp tục quán tính tăng điểm và tiến về ngưỡng kháng cự 1,155.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 8/11/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+33.14** điểm, đóng cửa **1113.43** điểm. HNX-Index **+8.74** điểm, đóng cửa **227.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.67)**, **VCB (+1.63)**, **FPT (+1.37)**, **BID (+1.37)**, **GVR (+1.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PGI (-0.04)**, **TBC (-0.03)**, **SVC (-0.03)**, **AST (-0.02)**, **HRC (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,268** tỷ đồng, tăng **63.26%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,596 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 37.63 điểm. Thị trường có **495** mã tăng, 45 mã tham chiếu, 65 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-269.53** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-235.39 tỷ)**, **VHM (-128.32 tỷ)**, **VRE (-56.9 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 59.96 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+4.02%**. Các mã diễn biến tích cực: **IDC (+7.11%)**, **KBC (+6.84%)**, **GVR (+6.78%)**
- BSC50 **+4.84%**. Các mã diễn biến tích cực: **HUT (+9.34%)**, **NKG (+6.99%)**, **BCG (+6.99%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Dịch vụ tài chính	5.96%	Ngân hàng	2.61%
Hóa chất	5.76%	Thực phẩm và đồ	1.60%
Du lịch và Giải trí	5.17%	Điện, nước & xăng	1.54%
Xây dựng và Vật liệu	4.79%	Hàng cá nhân & Gia	1.52%
Công nghệ Thông tin	4.56%	Bảo hiểm	1.00%
Tài nguyên Cơ bản	4.38%	Ô tô và phụ tùng	0.94%
Bán lẻ	3.77%	Y tế	0.54%
Bất động sản	3.46%	VNMID	4.45%
Dầu khí	3.38%	VNSML	3.49%
Hàng & Dịch vụ Công	2.89%	VN30	3.41%
Truyền thông	2.62%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1113.43**

Giá trị: 17268.08 tỷ **33.14 (3.07%)**

Khối ngoại (ròng): -269.53 tỷ

HNX-INDEX **227.03**

Giá trị: 2264.03 tỷ **8.74 (4%)**

Khối ngoại (ròng): 59.96 tỷ

UPCOM-INDEX **86.17**

Giá trị: 643.26 tỷ **1.56 (1.84%)**

Khối ngoại (ròng): -15.33 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	81.7	-4.12%
Giá vàng	1,969	-0.45%
Tỷ giá USD/VND	24,370	0.18%
Tỷ giá EUR/VND	25,989	-0.11%
Tỷ giá JPY/VND	161.97	0.21%
LS liên NH 1 tháng	2.03%	
LS TPCP 5 năm	1.99%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	37.24	MWG	-235.39
HPG	35.54	VHM	-128.32
VIC	24.79	VRE	-56.90
HSG	24.74	MSN	-40.84
STB	23.12	VNM	-36.40

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Báo cáo hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 08/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.49	-4.13%	-4.36%	-8.41%	-10.89%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	81.68	-4.12%	-3.94%	-5.58%	-13.09%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.17	-2.84%	-2.03%	-1.93%	-15.29%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.17	-2.94%	-11.38%	-12.75%	-51.44%		
TTF Gas	EUR/MWh	46.06	2.73%	-4.06%	4.79%	-61.02%		
Vàng	Ounce	1,968.81	-0.45%	-0.70%	5.80%	14.97%		PNJ
Bạc	Ounce	22.63	-1.75%	-1.20%	3.36%	6.02%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,349.00	0.63%	4.82%	6.70%	-6.74%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.05	-0.70%	1.07%	1.01%	-18.34%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	146.20	-0.41%	1.53%	5.33%	13.60%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.59	-1.29%	1.85%	1.51%	45.21%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	402.50	-0.62%	-1.83%	-6.94%	-34.29%		DPM, DCM
Niken	LB	18,200.00	0.00%	1.66%	-2.46%	-23.87%		PC1
Đồng	LB	3.67	-1.02%	0.83%	0.85%	-0.29%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,140.00	-5.73%	-14.74%	-28.67%	-19.25%		CSV
Thép	CNY/ton	3,828.00	-0.39%	2.77%	5.69%	6.30%		HPG
Nhôm	Ton	2,278.00	-0.42%	1.18%	1.63%	-3.96%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Hợp đồng dầu thô tương lai WTI tại Mỹ giảm 4.13% xuống 77.49 USD/thùng trong khi dầu Brent rớt 4.12% và khép phiên tại 81.68 USD/thùng. Cả hai mức đóng cửa của dầu WTI và Brent đều là mức giá thấp nhất kể từ tháng 7.
- Giá dầu thô tại Mỹ giảm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Ba và chạm mức thấp nhất kể từ tháng 7 khi các số liệu kinh tế yếu kém trên toàn cầu lẫn ất cả mối lo ngại rằng cuộc chiến Israel-Hamas có thể bùng nổ thành một cuộc xung đột mang tính khu vực.

Giá vàng

- Kết thúc phiên giao dịch đêm qua - rạng sáng nay (giờ Hà Nội), tại thị trường Mỹ, giá vàng thế giới giao ngay đứng ở mức trên 1,969 USD/ounce, giảm hơn 9 USD/ounce so với chốt phiên giao dịch trước đó.
- Giá vàng lao dốc khi đồng USD còn tăng giá so với nhiều ngoại tệ khác, chứng khoán quốc tế tiếp tục tăng điểm.

Giá thép

- Giá thép hôm nay giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 15 nhân dân tệ xuống mức 3,796 nhân dân tệ/tấn. Đây là phiên giảm đầu tiên sau nhiều phiên tăng liên tiếp trên sàn giao dịch.

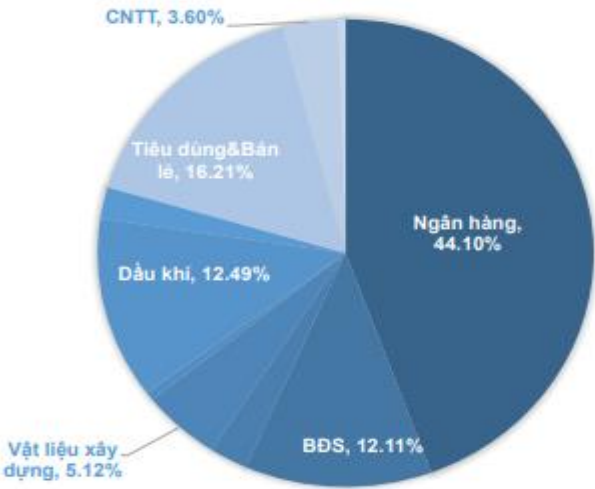
Giá hàng hóa khác

- Giá cà phê arabica giao tháng 12 tại New York ở mức 171.3 US cent/pound sau khi tăng 1.38% (tương đương 2.4 US cent) tại thời điểm khảo sát vào lúc 7h05 (giờ Việt Nam).

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	89.5	1.4%	0.9	20,560	4.7	5,797	15.4	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	42.9	2.6%	0.6	8,920	1.7	4,025	10.7	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.4	3.1%	1.0	6,962	11.9	1,727	12.4	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	31.8	3.9%	1.5	4,597	5.1	5,059	6.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.4	3.1%	1.3	3,932	8.1	3,496	5.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.0	3.4%	0.9	2,325	25.8	3,600	8.3	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	19.7	6.8%	1.7	3,239	2.1	714	27.6	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	30.4	6.8%	1.7	961	14.6	4,368	7.0	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	48.2	7.3%	1.5	654	6.7	3,969	12.1	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	49.8	5.7%	1.8	918	2.0	2,651	18.8	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.0	4.5%	1.9	6,441	38.6	(328)	-82.1	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	41.0	2.5%	1.5	7,338	13.0	10,341	4.0	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	23.7	2.4%	1.3	2,214	5.7	1,588	14.9	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	31.0	6.0%	1.7	1,020	2.1	1,280	24.3	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	34.7	6.1%	1.3	548	5.4	1,582	21.9	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	93.0	5.7%	1.5	1,452	11.5	10,728	8.7	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	32.8	4.8%	0.9	528	3.6	6,403	5.1	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	31.4	6.1%	1.2	683	4.7	4,286	7.3	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	80.0	1.5%	0.6	7,552	1.7	5,567	14.4	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	34.2	3.2%	0.9	1,786	1.4	2,125	16.1	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	37.2	6.6%	1.1	731	8.4	1,953	19.0	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.4	4.0%	1.3	625	5.6	449	60.9	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.5	3.1%	0.7	1,107	2.4	602	19.1	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	71.4	0.8%	0.6	6,133	6.9	3,935	18.1	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	63.8	2.9%	1.3	3,752	5.5	916	69.7	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	39.6	3.7%	1.6	2,380	31.9	1,069	37.0	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	77.0	1.4%	0.7	1,038	1.3	5,503	14.0	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	72.0	6.0%	0.7	543	1.5	7,080	10.2	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	67.8	2.6%	0.7	852	4.8	7,470	9.1	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	92.6	4.9%	0.7	4,834	11.2	4,573	20.2	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.2	2.50%	0.9	5,778	3.5	3,664	8.0	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.7	2.7%	0.8	3,624	6.8	3,722	6.1	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.8	4.4%	0.8	2,235	8.0	2,765	6.8	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.8	1.6%	0.9	1,656	1.5	1,410	11.2	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.4	3.7%	1.4	2,023	2.9	3,534	5.5	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	19.6	6.8%	2.0	979	21.8	467	41.9	1.6	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.2	4.2%	1.1	1,561	6.1	2,697	6.4	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	30.3	6.9%	1.5	1,867	39.4	1,090	27.8	2.1	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.2	6.8%	2.0	201	9.1	318	54.1	6.9	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.7	8.3%	1.8	0	1.5	445	26.3	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	63.0	3.1%	1.7	257	4.5	681	92.5	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.4	7.0%	1.6	208	5.0	919	16.7	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	6.6%	2.1	94	3.9	482	25.0	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	59.6	2.4%	0.7	2,535	0.7	418	142.6	3.5	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.9	4.7%	1.5	730	4.3	56	352.2	4.9	2.0%	1.3%
PHR	KCN	46.4	3.9%	1.2	258	0.6	6,568	7.1	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	37.3	6.9%	1.6	184	2.2	1,405	26.5	2.8	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	21.1	6.8%	2.2	534	15.5	(2,105)	-10.0	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.2	6.1%	1.4	191	0.2	176	69.4	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	20.6	7.0%	2.3	224	13.1	(2,655)	-7.8	1.1	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	56.1	1.1%	0.9	154	0.2	5,309	10.6	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.0	6.9%	1.8	78	1.8	1,482	16.8	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	15.5	6.9%	2.0	1,242	28.5	(295)	-52.5	0.8	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	19.0	6.7%	2.7	476	16.4	(317)	-60.0	0.8	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	34.6	7.0%	1.5	192	7.5	2,190	15.8	2.5	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	23.9	6.9%	2.6	599	26.0	152	157.0	1.9	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	13.4	6.8%	1.9	139	1.7	1,597	8.4	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.2	3.2%	1.5	0	10.2	1,596	12.0	1.2	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	25.6	5.3%	0.7	340	5.1	2,993	8.6	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.7	7.3%	1.6	102	0.3	1,353	22.7	2.0	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	22.5	3.2%	1.0	110	0.2	1,980	11.4	1.5	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	57.0	3.3%	0.7	958	1.2	6,445	8.8	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	20.9	6.9%	1.7	732	23.5	384	54.4	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.4	2.3%	0.6	289	0.6	2,560	9.5	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.7	6.1%	1.5	348	1.6	2,739	10.1	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	29.0	4.9%	1.6	322	4.0	944	30.7	1.4	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.0	3.2%	0.7	183	0.3	636	20.5	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.4	7.0%	2.6	185	3.6	(79)	-107.1	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	65.1	0.0%	0.4	3,432	2.5	3,518	18.5	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	48.0	1.3%	0.5	0	1.7	4,965	9.7	2.2	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	100.0	4.2%	1.0	560	3.7	(327)	-305.5	8.5	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	50.1	6.8%	2.1	344	3.0	2,984	16.8	3.8	23.6%	21.9%
DBC	F&B	21.2	6.8%	1.9	211	5.9	551	38.6	1.1	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	24.4	4.7%	2.4	107	0.4	837	29.2	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	24.0	1.5%	0.6	142	3.8	1,225	19.6	2.0	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	2.1	0.0%	0.0	6	0.0	2,162	1.0	0.1	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	25.0	2.5%	0.5	137	0.7	1,370	18.2	1.1	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	33.8	6.0%	1.2	146	3.7	5,742	5.9	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	79.9	3.4%	1.2	376	0.9	4,238	18.9	5.6	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.1	3.8%	1.4	89	1.4	2,353	8.1	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639